Bài tập lớn Lập trình trực quan: Mô phỏng sàn chứng khoán

1. Danh sách các bảng cần quản lý

1.1 Bảng người dùng

1.1.1 Thành phần bảng

1.1.1.2 Tên người dùng (Khóa chính )

1.1.1.3 Số điện thoại liên lạc

1.1.1.4 Địa chỉ

1.1.1.5 Số CMND

1.1.1.6 Ngày cấp số CMND

1.1.1.7 Nơi cấp CMND

1.1.1.8 Số tiền còn trong tài khoản

1.1.1.9 Tổng số tiền nợ

1.1.1.10 Tên tài khoản (Khóa chính )

1.1.1.11 Mật khẩu

1.1.1.12 Giới tính

1.1.2 Ước tính nghiệp vụ riêng cho khách hàng

1.1.2.1 Tìm thông tin cơ bản về người chơi

1.1.2.2 Lấy ra các thông tin cần và truyền vào form mua bán

1.1.2.3 Bảng tần suất và biểu đồ mua bán các cổ phiếu

1.1.2.4 Liệt kê số tiền nợ và lý do nợ

1.1.2.5 Trả tiền nợ

1.1.2.6 Rút tiền

1.1.2.7 Nạp tiền

1.1.2.8 Vay tiền

1.1.2.9 Chuyển tiền

1.1.2.10 Đăng nhập và màn hình thông tin riêng ( User Control ) ( đang hoạt động )

1.2 Bảng công ty chứng khoán

1.2.1 Thành phần bảng

1.2.1.1 Tên công ty

1.2.1.2 Địa chỉ công ty

1.2.1.3 Mã kinh doanh niêm yết (Khóa chính)

1.2.1.4 Số điện thoại liên hệ

1.2.1.5 Số cổ phần

1.2.1.6 Giá hiện tại

1.2.1.7 Giá tham chiếu ( Mức giá từ lần đóng cửa gần nhất )

1.2.1.8 Giá trần ( Mức + 10% so với giá tham chiếu )

1.2.1.9 Giá sàn ( Mức - 10% so với giá tham chiếu )

1.2.1.10 Giá mua tốt nhất

1.2.1.11 Số lượng cần mua để được giá tốt nhất

1.2.1.12 Mã Tài khoản chủ công ty ( Bảng người dùng )

1.2.1.13 Tổng số cổ phần

1.2.1.13 Số tiền nợ

1.2.1.14 Tổng số tiền

1.2.2 Ước tính nghiệp vụ dành riêng cho công ty

1.2.2.1 Phát hành thêm cổ phiếu

1.2.2.2 Đổi thông tin cơ bản

1.2.2.3 Màn hình thông tin riêng ( User Control )

1.2.2.4 Giảm số vốn điều lệ

1.2.2.5 Vẽ biểu đồ tăng trưởng giá theo thời gian thực ( chắc chắn có )

1.3 Bảng lịch sử giao dịch mua bán

1.3.1 Thành phần bảng

1.3.1.2 Loại giao dịch (Sử dụng dropbox để kiểm soát các lựa chọn giao dịch)

1.3.1.3 Số tiền giao dịch

1.3.1.4 Ngày giao dịch

1.3.1.5 Mã người dùng ( người khởi tạo giao dịch )

1.3.1.6 Mã người dùng ( công ty hoặc người nhận )

1.3.1.7 Số cổ phiếu giao dịch

1.3.1.8 Thời gian đợi trước khi giao dịch được thực hiện. (Không ghi lại)

1.3.1.9 Phí giao dịch

1.3.1.10 Ghi chú giao dịch

1.3.2 Ước tính nghiệp vụ của lịch sử giao dịch

1.3.2.1 Kiểm tra lại lịch sử giao dịch

1.3.2.2 Thực hiện giao dịch và mua bán

1.3.2.3 Vẽ biểu đồ số lượng giao dịch theo quý ( có thể có )

1.4. Bảng tổng kết

1.4.1 Thành phần bảng

1.4.1.1 Mã khách hàng

1.4.1.2 Mã công ty

1.4.1.3 Số cổ phiếu đang nắm

1.4.2 Ước tính nghiệp vụ

1.4.2.1 Lấy thông tin về các cổ phiếu đã mua

1.4.2.2 Vẽ biểu đồ số lượng cổ phiếu đã mua ( chắc chắn có )

2. Danh sách nghiệp vụ thực tế User Control

2.1 User Control hiển thị thông tin đăng nhập và đăng xuất ( chạy được )

3. Danh sách nghiệp vụ thực tế Form

3.1 Form đăng nhập

3.2 Form hiển thị biểu đồ ( hiển thị các biểu đồ )

3.3 Form tra cứu lịch sử giao dịch ( In toàn bộ các giao dịch trong quá khứ )

3.4 Form hiển thị tình trạng các công ty hiện tại

3.5 Form thực hiện giao dịch ( 6 chức năng giao dịch cùng form )

3.6 Form đăng ký

3.7 Form mở đầu

3.8 Form quên mật khẩu

3.9 Form điều chỉnh thông tin

4. Danh sách nghiệp vụ thực tế Table

4.1 Table Tài khoản

4.2 Table Công ty

4.3 Table Giao dịch ( nối key người dùng và key công ty )

4.4 Table Tổng kết giao dịch ( tổng kết số lượng cổ phiếu đang nắm giữ )

* Bản cũ

Thiết lập join bản hàng mới

Sử dụng inner join để thiết lập kết nối các bảng

[dbo].[tblChiTietHDBan]

TRỰC QUAN

THUẬN TIỆN

Business Logic:

* If there are none available stocks left on the market , program automatically add more stocks and price drop as price = sum/number of stocks.
* That is all